TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/KDTM-ST
Ngày: 20/8/2024.
V/*v*: ***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H OÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Lý Thị Tường Nga**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Bùi Văn Bình**

Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Ngọc Huyền – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 30/2024/TLST-KDTM ngày 22/05/2024 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐST-KDTM ngày 16/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-KDTM ngày 01/8/2024 giữa:

- **Nguyên đơn: Ngân Hàng B**Trụ sở chính: Tháp NGÂN HÀNG B, số 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Ngọc Chân – Cán bộ Ngân hàng

- **Bị đơn:** 1. Bà Nguyễn Thị D
2. Ông Trần Văn T

Cùng HKTT: Thôn Thuỵ Lôi, xã Thuỵ Lâm, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đỗ Thị T
2. Ông Nguyễn Văn T
3. Bà Lê Thị T
4. Cháu Nguyễn Hoàng P
5. Cháu Nguyễn Thu N
6. Cháu Nguyễn Thanh T

Đại diện theo pháp luật cho cháu Phong, cháu Nguyệt, cháu Thuỳ là ông Thiệp, bà Thuý.

Cùng HKTT: Thôn Giao Tác, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

(*Ông Chân có mặt, ông Trang, bà Diệp, bà Thép, ông Thiệp, bà Thuý đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Vũ Ngọc Chân – đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/11/2019, bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn T có gửi hồ sơ và đơn vay vốn đến Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô (sau đây gọi là Ngân hàng NGÂN HÀNG B - Chi nhánh Thành Đô). Sau quá trình thẩm định và hoàn thiện các thủ tục cho vay theo quy định, Ngân hàng NGÂN HÀNG B - Chi nhánh Thành Đô đã chấp thuận cho bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn T vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11793443/HĐTD ngày 05/11/2019 với các thông tin cơ bản như sau:

- Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng)

- Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

- Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân khoản vay đầu tiên cho Bên vay. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp thời hạn vay vốn không đủ một (01) ngày, các Bên thỏa thuận thống nhất thời hạn vay được làm tròn thành một (01) ngày.

Lãi suất áp dụng đối với số tiền vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng và giải ngân là:

a) Lãi suất cho vay trong hạn: 10,5%/năm áp dụng đến hết ngày 31/03/2020, sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng quý vào ngày làm việc đầu tiên của quý theo thông báo lãi suất của Ngân hàng.

b) Lãi suất nợ quá hạn:

- Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là: 150% lãi suất cho vay trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có) nêu tại Điểm a Khoản này tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

- Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là: [10%]/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

c) Phí:

- Phí trả nợ trước hạn theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm trả nợ và tối đa bằng (=) 2% nhân (x) số tiền trả nợ trước hạn. Mức phí trả nợ trước hạn tối thiểu là: 300.000 đồng/lần trả nợ và tối đa là: 30.000.000 đồng/lần trả nợ.

- Phí cam kết rút vốn tối đa bằng (=) 0,25% nhân (x) số tiền không rút. Mức phí hủy bỏ cam kết rút vốn tối thiểu là: 100.000 đồng và tối đa là: 2.000.000 đồng.

- Phí khác: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

d) Phạt vi phạm: Trường hợp Bên vay không thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận theo Hợp đồng này và bản Điều khoản và điều kiện cho vay, Bên vay phải chịu phạt vi phạm theo mức bằng 1% tính trên giá trị nợ gốc khoản vay tại thời điểm vi phạm. Điều khoản phạt vi phạm này không áp dụng đối với trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc/lãi vốn vay. - Lịch trả nợ gốc: Nợ gốc được trả vào cuối kỳ. Trường hợp ngày trả nợ trùng vào ngày nghỉ, lễ tết thì ngày trả nợ sẽ chuyển sang ngày làm việc tiếp theo

- Lịch trả nợ lãi: Định kỳ hàng tháng: từ ngày 25 đến ngày làm việc cuối cùng của tháng.

Tài sản bảo đảm nghĩa vụ thanh toán: Để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho khoản vay của bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn T . Ông Nguyễn Văn Thiệp (anh trai ruột bà Nguyễn Thị D) đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 3062.2018/HĐTC ngày 12/11/2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số công chứng: 3006.2019/VBSĐBS ngày 04/11/2019, đồng ý thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng 180 m2 đất ở tại Thôn Giao Tác, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Thiệp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 213490, Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 1003QSDĐ/LH do UBND Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/06/2002; Ngày 15/06/2017 đã đăng ký tặng cho ông Nguyễn Văn Thiệp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đông Anh theo hợp đồng số 702/2017/HĐCT do Văn phòng công chứng Hà Anh lập ngày 23/03/2017. Giá trị định giá: 1.980.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn)

Quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Sau thời điểm ký Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn T đã thanh toán được một phần tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11793443/HĐTD ngày 05/11/2019 như sau:

+ Số tiền gốc đã thanh toán : 0 đồng

+ Số tiền lãi đã thanh toán : 21.575.342 đồng

Từ ngày 26/12/2019 đến nay bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn T đã không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng NGÂN HÀNG B - Chi nhánh Thành Đô. Xét thấy bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng NGÂN HÀNG B - Chi nhánh Thành Đô dẫn đến khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 20/8/2024, bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn T còn nợ Ngân hàng NGÂN HÀNG B - Chi nhánh Thành Đô tổng số tiền của Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11793443/HĐTD ngày 05/11/2019 là: **2.425.156.849** đồng

(Bằng chữ: *Hai tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: *Một tỷ năm trăm triệu đồng*)

+ Nợ lãi: 925.156.850 đồng (Bằng chữ: *Chín trăm hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng*)

Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án:

Buộc bả Nguyễn Thị D và ông Trần Văn T thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền của Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11793443/HĐTD ngày 05/11/2019 là: 2.425.156.849 đồng (Bằng chữ: *Hai tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*) và toàn bộ số tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 21/8/2024 đến thời điểm bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn T thực hiện thanh toán toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11793443/HĐTD ngày 05/11/2019. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn T không trả được nợ thì Ngân hàng NGÂN HÀNG B đề nghị Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 3062.2018/HĐTC ngày 12/11/2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số công chứng: 3006.2019/VBSĐBS ngày 04/11/2019 đã ký giữa ông Nguyễn Văn Thiệp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ còn lại cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng NGÂN HÀNG B - Chi nhánh Thành Đô.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Thiệp đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. không có văn bản ghi ý kiến và các tài liệu chứng cứ gửi Toà án theo quy định pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo quy định pháp luật.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 222, Điều 266, Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: *Một tỷ năm trăm triệu đồng*) và nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo thỏa thuận cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Trường hợp phía bị đơn không thanh toán khoản nợ gốc và lãi trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay trên theo thông tin được thể hiện trong GCNQSDĐ.

3. Án phí: Bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứu vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và sự có mặt của các đương sự:

[1.1]. Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Trang. Tại điểm b Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11793443/HĐTD ngày 05/11/2019, các bên đã thoả thuận Toà án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là TAND quận Long Biên do đó Toà án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn T , bà Nguyễn Thị D, bà Đỗ Thị Thép, ông Nguyễn Văn Thiệp, bà Lê Thị Thuý đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng số 01/2019/11793443/HĐTD ngày 05/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn T .

Các hợp đồng được ký kết trên cơ sở các bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch được xác lập, mục đích và nội dung của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Về hình thức của các hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng

phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Về việc thực hiện các hợp đồng của các bên: Hội đồng xét xử thấy: Sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam đã thực hiện việc giải ngân và bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn T xác nhận các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, bảng kê rút vốn và số nợ đối với ngân hàng là đúng. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay.

Tạm tính đến ngày 20/8/2024, bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn T còn nợ ngân hàng NGÂN HÀNG B như sau:

+ Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: *Một tỷ năm trăm triệu đồng*)

+ Nợ lãi: 925.156.850 đồng (Bằng chữ: *Chín trăm hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng*)

Tổng: **2.425.156.849 đồng** (Bằng chữ: *Hai tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*).

Việc ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn T phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[3]. Xét Hợp đồng thế chấp số 3062.2018 ngày 12/11/2018 giữa ông Nguyễn Văn Thiệp và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam tại văn phòng công chứng Tràng An. Hợp đồng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật.

Để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho khoản vay, ông Nguyễn Văn Thiệp đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản là: Quyền sử dụng 180 m2 đất ở tại Thôn Giao Tác, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Thiệp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 213490, Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 1003QSDĐ/LH do UBND Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/06/2002.

Các bên không có tranh chấp về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Quan điểm và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*** Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

*** Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 116; Điều 119, Điều 318; Điều 319; Điều 323; Điều 351; Điều 353; Điều 357; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 113 Luật thi hành án Dân sự 2008 sửa đổi, bổ sung 2014;

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228. Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 238 BLTTDS;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Trang.

2. Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Trang phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 20/8/2024 của Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11793443/HĐTD ngày 05/11/2019 là: **2.425.156.849 đồng** (Bằng chữ: *Hai tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: *Một tỷ năm trăm triệu đồng*)

+ Nợ lãi: 925.156.850 đồng (Bằng chữ: *Chín trăm hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng*)

- Kể từ ngày Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực pháp luật mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng 180 m2 đất ở tại Thôn Giao Tác, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Thiệp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 213490, Vào số cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 1003QSDĐ/LH do UBND Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/06/2002.

- Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (20/8/2024), bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Trang còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thi hành án xong.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí :

Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Trang phải chịu **110.425.157** đồng (*Một trăm mười triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm năm mươi bảy đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền **37.693.966** đồng (*Ba mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng*) tạm ứng án phí ngân hàng đã nộp theo biên lai số 0018733 ngày 22/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Tường Nga